

Bản án số: 98/2018/HS-ST
Ngày 23 tháng 5 năm 2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 1 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quang Huynh

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Đặng Mỹ Hạnh

Ông Trần Quang Mẫn

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Sỹ Hùng là thư ký Tòa án Nhân dân Quận 1.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 1 tham gia phiên tòa:

Ông Nguyễn N Thanh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 23 tháng 5 năm 2018 tại trụ sở Tòa án Nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 41/2018/TLST-HS ngày 05 tháng 3 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 413/2018/QĐXXST-HS ngày 11 tháng 5 năm 2018 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: Đoàn Văn T; giới tính: Nam; Sinh năm: 1987 tại tỉnh Vĩnh Long; Hộ khẩu thường trú: Ấp H, xã Hiếu Nghĩa, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long; Chỗ ở hiện nay: Không nơi cư trú nhất định; Quốc tịch: Việt Nam - Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 6/12; Nghề nghiệp: Không; Cha: Đoàn Văn L (sinh năm: 1967) mẹ: Đinh Thị N (sinh năm: 1963); Gia đình bị cáo có 03 anh, chị em. Bị cáo là con thứ hai trong gia đình; vợ, con: Chưa có; Tiền án - Tiền sự: Không

Bị cáo bị bắt và tạm giam từ ngày 07/11/2017 và có mặt tại phiên tòa.

2. Họ và tên: Trần Quốc Tr; giới tính: Nam; sinh ngày: 25/11/1992 tại tỉnh Vĩnh Long; Hộ khẩu thường trú: Ấp TH, xã Thới Hòa, huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long; Chỗ ở hiện nay: X Huỳnh Tấn Phát, phường Tân Thuận Tây, Quận 7, Tp. HCM; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; trình độ

học vấn: 11/12; Nghề nghiệp: Không; Cha: Trần Công H (Sinh năm: 1969) mẹ: Trần N D (sinh năm: 1972) ; Gia đình bị cáo có 02 anh, em, Bị cáo là con thứ nhất trong gia đình; Vợ con: Chưa có, Tiền án, tiền sự: Không

Bị cáo bị bắt và tạm giam từ ngày 07/11/2017 và có mặt tại phiên tòa.

Người tham gia tố tụng khác:

Bị hại:

- Chị Phương Thị N (vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ X thị trấn Tam Sơn, huyện Quảng Bạ, tỉnh Hà Giang.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Anh Thạch Kim H (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp G, xã Hòa Ân, huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 11 giờ 00 ngày 07/11/2017, Đoàn Văn T điều khiển xe gắn máy biển số 84H4-0621 chở Trần Quốc Tr ngồi phía sau lưu thông đến trước nhà số X Nguyễn Thái Học, phường Cầu Ông Lãnh, Quận 1 thì T phát hiện chị Phương Thị N đang đứng cùng bạn là chị Phạm Thị Minh H trên vỉa hè mua đồ ăn trên tay chị N có cầm 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6 Plus nên nảy sinh ý định cướp giật, T rủ Tr cướp giật điện thoại của chị N, Tr đồng ý. Lúc này T dừng xe lại cách chị N khoảng 05m để Tr xuống xe, T chạy xe lên phía trước đứng đợi. Tr đi bộ lại gần chị N dùng tay trái giật điện thoại di động của chị N đang cầm trên tay trái rồi bỏ chạy bộ leo lên xe của T chờ sẵn bỏ chạy. Chị N và chị H tri hô đuổi theo T và Tr chạy xe đến trước số X Trần Hưng Đạo, phường cầu Ông Lãnh, Quận 1 thì bị anh Nguyễn Văn Đ (là người đi đường) điều khiển xe gắn máy chặn đầu xe, làm T và Tr té ngã xuống đường, Tr làm rơi điện thoại di động vừa cướp giật được xuống đất, thì có anh Trần Công M (là người đi đường) đến thu giữ. T và Tr tiếp tục bỏ xe chạy bộ mỗi người một hướng, Tr chạy vào nhà số X Trần Hưng Đạo, Quận 1 thì bị chị N và anh Đ đuổi theo bắt giữ, còn T bỏ chạy đến trước số X Trần Hưng Đạo, Quận 1 thì bị các anh Trần Thái Đ, Lê Tấn T, Trần Công H (là người đi đường) hỗ trợ bắt giữ được và giải cả hai cùng tang vật về Công an phường Cầu Ông Lãnh, Quận 1 lập biên bản bắt người phạm tội quả tang, chuyển Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an Quận 1 xử lý.

Quá trình điều tra, Đoàn Văn T và Trần Quốc Tr đã khai nhận hành vi cướp giật tài sản của mình cụ thể do cần tiền tiêu xài cá nhân nên khi phát hiện chị N có tài sản sơ hở nên T là người chủ mưu rủ Tr đi cướp giật và Tr đồng ý và là người trực tiếp cướp giật tài sản của chị N. Lời khai của các bị cáo phù hợp với lời khai người bị hại, nhân chứng, vật chứng thu giữ cùng các tài liệu chứng cứ mà Cơ quan điều tra đã thu thập được.

* Vật chứng vụ án gồm có:

+ 01 điện thoại di động Iphone plus màu trắng hồng. Qua kết luận định giá tài sản số 247/KLĐGTS ngày 18/11/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự của ủy ban nhân dân Quận 1 trị giá 7.333.000 đồng (đã thu hồi trả lại cho người bị hại là chị Phương Thị N; chị N không có yêu cầu gì về phần bồi thường dân sự (BL: 73 - 77, 183 - 187).

Thu giữ của Đoàn Văn T:

+ 01 điện thoại di động Nokia 1133 màu đỏ đen;

+ 01 xe gắn máy biển số 84H4-0621. Qua giám định xe có số khung và số máy nguyên thủy không thay đổi, qua xác minh xe do anh Thạch Kim H (Sn: 1985, HKTT: Ấp G, xã Hòa Ân, huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh) đứng tên đăng ký sở hữu, qua xác minh tại Công an xã Hòa Ân, huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh được biết bà H không còn sinh sống tại địa phương. Đoàn Văn T khai xe trên mua của một người bạn tên B (không rõ lai lịch) vào năm 2016 ở tỉnh Vĩnh Long. Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an Quận 1 đã cho đăng báo tìm chủ sở hữu nhưng đến nay chưa có ai đến liên hệ.

+ Thu giữ của Trần Quốc Tr: 01 điện thoại di động hiệu Mastel màu đỏ.

* Tại phiên tòa sơ thẩm:

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh trình bày:

+ Giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo như nội dung bản cáo trạng số 51/CTr-VKS ngày 26 tháng 02 năm 2018 và đề nghị Hội đồng xét xử: xử phạt bị cáo T từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù giam, bị cáo Tr từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm tù giam

Về vật chứng:

+ Trả lại cho bị cáo Đoàn Văn T 01 điện thoại di động Nokia 1133 màu đỏ đen nhưng cần tiếp tục lưu giữ để đảm bảo thi hành án;

+ Trả lại cho bị cáo Trần Quốc Tr: 01 điện thoại di động hiệu Mastel màu đỏ

nhưng cần tiếp tục lưu giữ để đảm bảo thi hành án;

+ Giao công an Quận 1 thông báo tìm chủ sở hữu đối với xe gắn máy biển số 84H4-0621 trong thời gian 03 tháng nếu không ai có giấy tờ chủ quyền hợp lệ đến nhận thì sẽ tịch thu sung vào công quỹ nhà nước.

- Bị cáo thống nhất tội danh và bản luận tội của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh và xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra - Công an Quận 1, Viện kiểm sát nhân dân Quận 1, Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

[2] Về nội dung: Tại phiên tòa, các bị cáo thừa nhận T bộ hành vi phạm tội như cáo trạng đã nêu, lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, tang vật thu giữ và các tài liệu khác mà cơ quan điều tra thu thập có trong hồ sơ vụ án, đủ cơ sở xác định hành vi của các bị cáo Đoàn Văn T và Trần Quốc Tr phạm tội “Cướp giật tài sản” theo quy định tại theo khoản 1 Điều 136 Bộ luật Hình sự năm 1999.

[3] Xét: Hành vi phạm tội của các bị cáo là cố ý, nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an và an T xã hội nên cần xử lý nghiêm trước pháp luật tương ứng với hành vi phạm tội để giáo dục và bảo đảm đấu tranh phòng chống tội phạm nói chung. Trong vụ án có đồng phạm, bị cáo T có nhân thân xấu là người xúi giục, thúc đẩy bị cáo Tr trực tiếp thực hiện hành vi phạm tội nên phải chịu trách nhiệm hình sự cao hơn.

[4] Xét: quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo thành khẩn khai báo, thể hiện sự ăn năn hối cải, phạm tội nhưng chưa gây thiệt hại hoặc gây thiệt hại không lớn là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại g, p khoản 1 Điều 46 của Bộ luật Hình sự năm 1999. Đối với bị cáo Tr có nhân thân tốt từng có thời gian tham gia quan ngũ tại Trung Đoàn BB20, sư đoàn BB330

thuộc Quân khu 9 Bộ Quốc Phòng là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại Khoản 2 Điều 46 của Bộ luật Hình sự năm 1999

[5] Về vật chứng vụ án:

+ Trả lại cho bị cáo Đoàn Văn T 01 điện thoại di động Nokia 1133 màu đỏ đen nhưng cần tiếp tục lưu giữ để đảm bảo thi hành án;

+ Trả lại cho bị cáo Trần Quốc Tr: 01 điện thoại di động hiệu Mastel màu đỏ nhưng cần tiếp tục lưu giữ để đảm bảo thi hành án;

+ Giao công an Quận 1 thông báo tìm chủ sở hữu đối với xe gắn máy biển số 84H4-0621 trong thời gian 03 tháng nếu không ai có giấy tờ chủ quyền hợp lệ đến nhận thì sẽ tịch thu sung vào công quỹ nhà nước.

[6] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm 200.000 đồng.

[7] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại, người có quyền, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố các bị cáo Đoàn Văn T và Trần Quốc Tr phạm tội “Cướp giật tài sản”

- Căn cứ khoản 1 Điều 136, điểm g, p khoản 1 Điều 46, Bộ luật hình sự năm 1999;

Xử phạt bị cáo Đoàn Văn T 02 (Hai) năm 06 (sáu) tháng tù

Thời hạn tù tính từ ngày 07 tháng 11 năm 2017.

- Căn cứ khoản 1 Điều 136, điểm g, p khoản 1, khoản 2 Điều 46, Bộ luật hình sự năm 1999;

Xử phạt bị cáo Đoàn Văn T 02 (Hai) năm 06 (sáu) tháng tù

Thời hạn tù tính từ ngày 07 tháng 11 năm 2017.

- Căn cứ vào Điều 106 của Bộ luật Tố tụng Hình sự ;

Tịch thu tiêu hủy:

+ Trả lại cho bị cáo Đoàn Văn T 01 điện thoại di động Nokia 1133 màu đỏ đen số Imei 1: 353705070355760, Imei 2: 353705070355778 nhưng cần tiếp tục lưu giữ để đảm bảo thi hành án;

+ Trả lại cho bị cáo Trần Quốc Tr: 01 điện thoại di động hiệu Mastel màu đỏ số Imei: 35236751838479 nhưng cần tiếp tục lưu giữ để đảm bảo thi hành án;

+ Giao công an Quận 1 thông báo tìm chủ sở hữu đối với xe gắn máy hiệu wave đầu đỏ, biển số 84H4-0621, số khung: RRKWCHOUM5XE00965, số máy: VTT01JL1P52FMH000965 trong thời gian 03 tháng nếu không ai có giấy tờ sở hữu hợp pháp đến nhận thì tịch thu sung vào công quỹ nhà nước.

Tất cả theo phiếu nhập kho vật chứng số 490/17/PNK ngày 16 tháng 11 năm 2011 của Công an Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh.

- Căn cứ Điều 135, 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a, khoản 1 Điều Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc Hội;

Buộc mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

- Căn cứ Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

Các bị cáo có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Chị Phương Thị N, anh Thạch Kim Hà có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- VKSND Tp. Hồ Chí Minh;
- VKSND Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh;
- Cơ quan Thi hành án hình sự có thẩm quyền;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng khác;
- CCTHADS Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh;
- Lưu: VP, HS./.

Nguyễn Quang Huynh